

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh
đoạn Chơn Thành - Đức Hòa**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1075/BDHCM-KTTĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh về việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa (sau đây gọi là Dự án) thực hiện tại huyện Bàu Bàng và huyện Dầu Tiếng thuộc tỉnh Bình Dương; thị xã Trảng Bàng, huyện Gò Dầu thuộc tỉnh Tây Ninh và huyện Đức Hòa thuộc tỉnh Long An được lập bởi Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh: Bình Dương, Tây Ninh, Long An;
- Sở TN&MT các tỉnh: Bình Dương, Tây Ninh, Long An;
- Ban QLDA đường Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, MT, HSLTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH
ĐOẠN CHƠN THÀNH - ĐỨC HÒA**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 5 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa.

- Địa điểm thực hiện Dự án: huyện Bàu Bàng và huyện Dầu Tiếng thuộc tỉnh Bình Dương; thị xã Trảng Bàng, huyện Gò Dầu thuộc tỉnh Tây Ninh và huyện Đức Hòa thuộc tỉnh Long An.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số 106 Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô Dự án

- Đầu tư xây dựng mới tuyến đường cao tốc có tổng chiều dài khoảng 72,75 km (tổng diện tích sử dụng đất của toàn Dự án khoảng 537,30 ha), trong đó:

+ Điểm đầu Km10+000 tại xã Trừ Văn Thố thuộc huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

+ Điểm cuối Km82+750 giao với Quốc lộ N2 (nay là đường Hồ Chí Minh), thuộc huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: các hạng mục đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư; khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công; đầu tư xây dựng và vận hành trạm thu phí, trạm dừng nghỉ.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của Dự án

- Phần tuyến chính: Bình diện và trắc dọc đạt tiêu kỹ thuật tương đương cấp III đồng với vận tốc thiết kế 100 km/h; mặt cắt ngang phần tuyến đạt tiêu chuẩn đường cao tốc $B_{nền} = 12,25$ m, $B_{mặt} = 11,25$ m.

- Thi công, xây dựng mới 03 cầu: cầu An Hòa (lý trình Km61+380, bề rộng cầu 12,25 m, chiều dài cầu 375,8 m), cầu Rạch Nhum (lý trình Km76+493, bề rộng cầu 12,25 m chiều dài cầu 38,392 m), cầu Trảng Bàng (lý trình Km60+563, bề rộng cầu 12,25 m, chiều dài cầu 449,2 m).

- Thi công, hoàn thiện 11 cầu: cầu Phước Hòa (lý trình Km10+943, bề rộng cầu 12,25 m, chiều dài cầu 78,1 m), cầu Cây Trường (lý trình Km18+700, bề rộng cầu 12,25 m, chiều dài cầu 42,2 m), cầu Bà Tứ (lý trình Km19+977, bề rộng cầu 12,25 m, chiều dài cầu 71,10 m); cầu Thị Tính (lý trình Km18+470, bề

rộng cầu 12,25 m, chiều dài cầu 138,8 m), cầu Suối Tre (lý trình Km34+559, bề rộng cầu 12,25 m, chiều dài cầu 63,10 m), cầu Thanh An (lý trình Km40+883, bề rộng cầu 12,25 m, chiều dài cầu 617,7 m), cầu Rạch Suối (lý trình Km42+486, bề rộng cầu 12,25 m, chiều dài cầu 26,5 m), cầu Kênh Đông (lý trình Km46+571, bề rộng cầu 12,25 m, chiều dài cầu 72,3 m), cầu Tây Long (lý trình Km62+606, bề rộng cầu 12,25 m, chiều dài cầu 310,3 m); cầu Bào Trai (lý trình Km80+246, bề rộng cầu 12,25 m, chiều dài cầu 177,90 m); cầu Hoóc Thom (lý trình Km82+054, bề rộng cầu 12,25 m, chiều dài cầu 111,8 m).

- Thi công, xây dựng công trình giao cắt với các đường hiện hữu bằng các nút giao bằng; công trình thoát nước dọc, hệ thống cống ngang dọc tuyến.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Gia cố phòng hộ, an toàn giao thông, biển báo, chiếu sáng.

- 08 công trường thi công (bao gồm: lán trại, bãi tập kết máy móc, bãi gia công cốt thép, bãi tập kết vật liệu, trạm trộn bê tông xi măng); 10 bãi đổ thải.

1.3.3. Các hoạt động của dự án đầu tư

- Giai đoạn thi công xây dựng: hoạt động lắp đặt công trường thi công, làm đường công vụ, thi công các hạng mục của dự án, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của công trường, lán trại, hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường, hoạt động hoàn trả mặt bằng tại các vị trí bố trí công trường, lán trại thi công dọc tuyến và san gạt mặt bằng bãi thải.

- Giai đoạn vận hành: hoạt động bảo trì, duy tu các hạng mục của Dự án và hoạt động của các phương tiện giao thông trên tuyến.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 28 Luật bảo vệ môi trường, Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường là có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động phát quang, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, nguy cơ gây ngập úng, xói lở, ảnh hưởng chủ yếu đến cảnh quan, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Hạng mục thi công cầu: hoạt động đào đắp hố móng, hoạt động khoan cọc nhồi phát sinh bụi, khí thải, dung dịch khoan (bentonite) ảnh hưởng chủ yếu đến môi trường không khí, nước mặt khu vực Dự án và lân cận.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động duy tu bảo dưỡng tuyến đường phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại ảnh hưởng chủ yếu khu vực dân cư và hệ sinh thái dọc tuyến.

- Hoạt động của các phương tiện lưu thông trên tuyến phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn ảnh hưởng chủ yếu đến khu vực dân cư dọc tuyến.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

Chất thải phát sinh chủ yếu trong giai đoạn thi công, xây dựng của Dự án.

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của nước thải

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 3,5 m³/ngày.đêm/công trường. Thành phần chủ yếu: TSS, Amoni (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Phosphat (tính theo P), Tổng Coliforms.

- Hoạt động của trạm trộn bê tông xi măng phát sinh nước thải xây dựng với lưu lượng khoảng 14,7 m³/ngày.đêm/công trường; hoạt động vệ sinh dụng cụ, rửa bánh xe đối với phương tiện ra vào công trường phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng 4,7 m³/ngày.đêm/công trường. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, Tổng dầu mỡ khoáng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đổ thải, khoan cọc nhồi, hoạt động của máy móc thiết bị thi công các hạng mục của Dự án và hoạt động tại các trạm trộn bê tông xi măng phát sinh bụi và khí thải. Thành phần chủ yếu: bụi, CO_x, NO_x, SO₂.

- Hoạt động của phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành. Thành phần chủ yếu: CO_x, NO_x, SO₂, VOCs.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng công trường thi công phát sinh khối lượng sinh khối khoảng 391,98 tấn khô. Thành phần chủ yếu: thực bì, cành lá, rễ, v.v..

- Hoạt động phá dỡ nhà cửa, các công trình hạ tầng phục vụ thi công gây phát sinh phế thải với khối lượng khoảng 46.382,2 m³. Thành phần chủ yếu: đất đá, gạch ngói, bê tông, phế liệu.

- Hoạt động thi công tuyến và các công trình trên tuyến; các công trình phục trợ của Dự án gây phát sinh chất thải rắn xây dựng, gồm: đất không thích hợp do hoạt động đào, đắp, đất đá thải với tổng khối lượng khoảng 240.000 m³ (trong đó 212.800 m³ đào đất không thích hợp phần tuyến, phần đường gom). Thành phần chủ yếu: bùn, sét hữu cơ không thích hợp, đất thải, đất lẫn bentonite.

- Đất mặt bóc khoảng 27.200 m³ tách từ đất lúa có độ sâu đào bóc 0,25 m, được vận chuyển, lưu giữ vào khu vực bãi chứa thuộc các xã Hòa Hiệp, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An (cách Km73+270 khoảng 1,5 km); xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (cách Km41+490 khoảng 3,5 km) và tận dụng tầng đất mặt bóc tách từ đất lúa theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động xây dựng của công nhân với khối lượng khoảng 25 kg/ngày/công trường. Thành phần chủ yếu: bao bì, giấy, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Hoạt động bảo trì, vận hành các công trình trên tuyến phát sinh chất thải xây dựng với khối lượng không đáng kể trong giai đoạn vận hành.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu của máy móc thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển có khối lượng khoảng 30 đến 45 kg/tháng giẻ lau dính dầu và khoảng 30 đến 70 lít dầu thải/tháng. Thành phần chủ yếu: dầu thải, giẻ lau dính dầu.

- Phát sinh từ hoạt động duy tu bảo dưỡng tuyến đường với khối lượng không đáng kể trong giai đoạn vận hành.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Phát sinh từ các phương tiện vận chuyển và máy móc thi công, hoạt động khoan cọc nhồi.

- Phát sinh của các phương tiện tham gia giao thông ảnh hưởng tới một số tổ chức, cá nhân, khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến trong giai đoạn vận hành.

- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung trong quá trình triển khai Dự án.

3.4. Các tác động khác

- Dự án chiếm dụng đất của khoảng 205 hộ dân, tác động đời sống sinh hoạt và có khả năng gây ra chia cắt cộng đồng, tác động đến sinh kế của các hộ dân bị thu hồi đất.

- Hoạt động thi công đào đắp nền đường qua khu vực đất nhiễm phèn có khả năng ảnh hưởng tới đến hệ sinh thái khu vực Dự án và xung quanh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án chủ yếu được thực hiện trong giai đoạn thi công, xây dựng.

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Bố trí 16 nhà vệ sinh di động ở cuối mỗi công trường thi công (2 nhà vệ sinh di động/công trường).

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với nước thải xây dựng:

+ Bố trí 08 hố lắng để lắng chất rắn lơ lửng và tách váng dầu trước tại mỗi công trường thi công. Nước thải sau khi lắng cặn, tách váng dầu được tái sử dụng cho các hoạt động trong công trường; váng dầu được thu gom, lưu giữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Bố trí 05 hố lắng để lắng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát tại mỗi trạm trộn. Trước cửa thu vào bể lắng đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác. Nước sau khi lắng được tái sử dụng để đập bụi và làm ẩm công trường hoặc rửa cốt liệu. Cặn lắng được đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh quá trình thi công, xây dựng bảo đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; nước sau khi tách dầu được tái sử dụng và không xả ra ngoài môi trường.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; phun nước giảm bụi 2 lần/ngày, tăng cường tưới nước 4-6 lần/ngày hay nhiều hơn vào những ngày nắng nóng, khi gia tăng phương tiện vận tải, đẩy nhanh tiến độ thi công tại khu dân cư dọc tuyến đường thi công (Km17+650÷Km18+370; Km21+870÷Km25+610; Km29+170÷Km29+570; Km45+110÷Km48+550; Km52+110÷Km58+550; Km53+310÷Km53+360; Km58+850÷Km59+190; Km68+270÷Km68+890; Km81+430÷Km81+710; Km82+670 ÷ Km82+750); thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công; lắp đặt hệ thống rửa bánh xe của phương tiện trước khi ra vào công trường; lắp đặt hàng rào tôn xung quanh các vị trí thi công cầu, nút giao và các khu vực dân cư.

- Thực hiện giải pháp giảm thiểu bụi tại 5 vị trí trạm trộn bê tông: Che chắn các bãi chứa cấp liệu sử dụng để trộn bê tông (cát, sỏi...); lắp đặt thiết bị lọc bụi trong silo của trạm trộn bê tông xi măng; làm ẩm vật liệu trộn (cát, sỏi) trước khi đưa lên băng chuyền để vào máy trộn.

- Thực hiện giải pháp thi công hút bụi, làm sạch mặt đường trước khi trải nhựa ở các đoạn đường đi qua các khu dân cư tập trung nơi triển khai Dự án.

- Định kỳ vệ sinh, thu dọn rác trên tuyến đường trong giai đoạn vận hành.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với chất thải rắn phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: các loại rác thải phát sinh được thu gom, phân loại và tái sử dụng hoặc bán phế liệu. Các chất thải không thể tái sử dụng được hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải xây dựng: làm bờ vây để ngăn ngừa nguy cơ tràn đổ đất lẫn bentonite và dung dịch bentonite ra môi trường xung quanh; toàn bộ đất đá loại và đất lẫn bentonite được thu gom vận chuyển đổ tại bãi đổ thải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng rác có nắp đậy tại mỗi công trường thi công để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình duy tu, bảo dưỡng được thu gom, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

- Phân loại, thu gom, lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (08 điểm lưu trữ chất thải nguy hại cho 8 công trường thi công, mỗi điểm có diện tích khoảng 15 đến 20 m²).

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, giám sát, quản lý bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị đạt đăng kiểm trong quá trình thi công, xây dựng; các thiết bị được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên theo quy định.

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, không thi công ở các giờ nghỉ của người dân đoạn qua khu dân cư để tránh gây ồn, rung; hạn chế vận chuyển vật liệu vào giờ cao điểm, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ; định kỳ bảo dưỡng và bố trí thời gian hoạt động phù hợp của các thiết bị, phương tiện.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường có liên quan khác.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện các giải pháp, công trình trong quá trình thi công các hạng mục, công trình tại khu vực thi công có đất phèn, bảo đảm không ảnh hưởng đến khu vực lân cận, sinh kế của người dân.

- Sử dụng khung vây (tường chắn nước) xung quanh vị trí thi công móng trụ cầu bằng phương pháp đào hở để ngăn nước mưa chảy trực tiếp vào bên trong vị trí xây dựng móng trụ; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công, bảo đảm không để nước đọng, gây ngập úng cục bộ.

- Thi công các hạng mục trụ cầu trong dòng chảy theo khẩu độ thiết kế được duyệt; không thi công các hạng mục liên quan đến an toàn vào mùa mưa lũ.

- Tuyên truyền các thông tin về vệ sinh môi trường, an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án

5.1.1. Đối với bụi, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát: khu dân cư xã Cây Trường II, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương gần nút giao ĐT 750 (Km14+360); khu dân cư gần cầu Cây Trường (Km18+700); khu dân cư gần cầu Thị Tính (Km28+470); khu dân cư xã An Lập, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương gần nút giao với đường ĐT 748 (Km30+500); khu dân cư gần cầu Thanh An (Km40+800); khu dân cư gần nút giao với QL 22 (Km57+900); khu dân cư gần cầu An Hòa (Km61+413); khu dân cư xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An gần nút giao với ĐT 822 (Km73+270); khu dân cư gần cầu Bàu Trai (Km80+246).

- Tần suất giám sát: tối thiểu 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, gia tốc rung.

- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư

02/2022/TT-BTNMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.1.3. Đối với chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: cầu An Hòa, cầu Trảng Bàng, cầu Rạch Nhum.
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Nitrat, Phosphat, kim loại nặng (Cu, Pb, Zn, Fe, As, Cd), Tổng dầu mỡ, Tổng Coliforms.
- Tần suất giám sát: tối thiểu 01 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 08:2015-MT/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

a. Yêu cầu chủ dự án tiếp tục nghiên cứu đánh giá địa chất thủy văn, địa chất công trình; mức độ sụt lún; tác động của biến đổi khí hậu đảm bảo tính khoa học và thực tiễn để thiết kế các công trình đảm bảo tính bền vững.

b. Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của Dự án trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; chủ động phối hợp với địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ ổn định cho các hộ dân bị ảnh hưởng và chỉ được phép thực hiện Dự án sau khi được bàn giao mặt bằng; xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất trồng lúa và tổ chức thực hiện theo quy định; tuân thủ Luật Đất đai; Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý sử dụng đất trồng lúa, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý sử dụng đất trồng lúa và các văn bản pháp luật có liên quan, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

c. Lắp đặt hệ thống, biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông.

d. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý tổ chức thi công phù hợp, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến cảnh quan, không làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, giao thông và ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, chất lượng nước kênh, hệ thủy sinh, hoạt động nuôi trồng thủy sản, hoạt động giao thông đường bộ, đường thủy và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

e. Tận dụng, tái sử dụng tối đa chất thải rắn thông thường cho mục đích phù hợp; chỉ được phép đổ thải chất thải rắn vào các vị trí được cơ quan có thẩm

quyền chấp thuận. Thực hiện quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản có liên quan.

g. Thanh thải lòng kênh, tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hoàn trả mặt bằng tại các công trường thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi chứa tạm, bãi đổ thải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường. Chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào các vị trí phù hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép bằng văn bản và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển và đổ thải.

h. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

i. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn đảm bảo đáp ứng quy chuẩn môi trường liên quan và không gây tác động xấu đến môi trường; chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

j. Bồi thường mọi thiệt hại, chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, sạt lở, sụt lún do hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án gây ra.

k. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./.

